

**NGHỊ QUYẾT**  
**CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH**  
**về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030**

**I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN**

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 14/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025, hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2023 đã đạt được những kết quả quan trọng. Nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về vai trò của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp phát triển bền vững của tỉnh có chuyển biến tích cực. Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ được tăng cường. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới khoa học và công nghệ được phát huy rộng rãi trên tất cả các lĩnh vực; khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được lan toả trong xã hội; bước đầu thu hút nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước đầu tư cho lĩnh vực khoa học và công nghệ; nhiều sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn quốc tế, bảo hộ về nhãn hiệu hàng hoá.

Tuy nhiên, phát triển khoa học và công nghệ chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và chưa thực sự trở thành động lực quan trọng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đổi mới sáng tạo, công nghệ trong các doanh nghiệp còn yếu. Nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ còn thấp hơn nhiều so với quy định; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ chưa mạnh, đơn vị sự nghiệp công lập khoa học và công nghệ hoạt động khó khăn cả về nguồn lực và số người làm việc.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên chủ yếu do: Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, doanh nghiệp chưa đầy đủ, sâu sắc về vai trò, tầm quan trọng của khoa học và công nghệ, chưa quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; năng lực quản lý, tổ chức thực hiện, chất lượng cán bộ hoạt động khoa học và công nghệ của một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa đáp ứng được yêu cầu. Đầu tư kinh phí của nhà nước còn hạn chế. Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao gặp nhiều khó khăn. Cơ chế, chính sách hỗ trợ, quản lý tài chính đối với khoa học và công nghệ còn bất cập, thiếu tính đồng bộ.

## II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

### 1. Quan điểm

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực chính để thúc đẩy tăng trưởng, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả; nhân tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, các ngành, lĩnh vực.

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tuân thủ và phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh; Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị; các quy hoạch quốc gia, vùng, tỉnh và chiến lược quốc gia về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

Lấy doanh nghiệp, người dân là trung tâm của ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhà nước đóng vai trò định hướng, kiến tạo môi trường, chính sách thuận lợi; kết nối doanh nghiệp với đội ngũ nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ.

Kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực tạo ra nguồn lực tổng hợp, ưu tiên tiếp thu, làm chủ và ứng dụng hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến. Đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

### 2. Mục tiêu tổng quát

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển vững chắc, thực sự trở thành động lực tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững của tỉnh. Từng bước xây dựng Nghệ An thành trung tâm khoa học và công nghệ khu vực Bắc Trung Bộ với trọng tâm là ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ; đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Phát triển nguồn nhân lực, cơ cấu hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia và các lĩnh vực khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh.

### 3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt mức 50%. Đầu tư cho khoa học và công nghệ đạt 1% tổng chi ngân sách. Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt tối thiểu 45%. Chỉ số đổi mới sáng tạo PII thuộc top 20 của cả nước.

- Số doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp khoa học công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tăng gấp 3 lần so với năm 2020; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 40% trong tổng số doanh nghiệp. Hỗ trợ 6 - 12 doanh nghiệp khoa học và công nghệ nâng cao năng suất, phát triển sản phẩm mới.

- Số đối tượng đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp đạt 3.000 đối tượng.

- Trình độ đổi mới công nghệ các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ yếu của tỉnh đạt mức khá so với cả nước.

- Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn thời gian) đạt 12 người trên một vạn dân.

### **III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Đẩy mạnh việc phổ biến, quán triệt, tuyên truyền các chủ trương, định hướng, mục tiêu, quan điểm chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Xác định việc ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là một nhiệm vụ trọng tâm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, là nền tảng và động lực phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững gắn với đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh.

Đổi mới quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách để khơi thông nguồn lực thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hoàn thiện quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng công khai, minh bạch, khách quan; chuyển đổi số quy trình quản lý, cơ sở dữ liệu các nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Rà soát, đề xuất ban hành cơ chế, chính sách phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ cao; chính sách nhân rộng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ. củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước bảo đảm số người làm việc trong cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Quản lý, kiểm soát chặt chẽ công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh

#### **2. Nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

##### ***2.1. Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo***

Đảm bảo nhu cầu nguồn nhân lực quản lý và hoạt động sự nghiệp ngành khoa học và công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực đủ khả năng tiếp thu và chuyển giao các công nghệ tiên tiến; nghiên cứu hoàn thiện các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là các nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia cao cấp trong và ngoài nước, cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ chuyên môn cao về làm việc, tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu về

đội ngũ trí thức. Từng bước hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh một số lĩnh vực trọng điểm phát triển của tỉnh. Đề xuất chính sách ưu đãi thuế thu nhập cá nhân đối với đội ngũ nhân lực tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Phát triển mạng lưới kết nối nhân tài, thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học người Nghệ An ở trong và ngoài nước.

Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển nguồn nhân lực quản trị công nghệ và quản lý doanh nghiệp. Xây dựng cộng đồng khởi nghiệp thúc đẩy kinh tế chia sẻ thông qua việc sử dụng các nền tảng số, thành lập các vườn ươm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp.

Khuyến khích các trường đại học trong tỉnh liên kết với các trường đại học trong và ngoài nước để đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ. Đưa đào tạo kiến thức đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, sở hữu trí tuệ vào các chương trình đào tạo cao đẳng, đào tạo nghề và đại học.

Đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị. Đổi mới, nâng cao chất lượng các cuộc thi, giải thưởng sáng tạo khoa học và công nghệ của tỉnh; tôn vinh kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động sáng tạo, tôn vinh các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhà khoa học tiêu biểu.

## ***2.2. Huy động nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo***

Bảo đảm cân đối, bố trí nguồn lực ngân sách thoả đáng cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quản lý, sử dụng các khoản chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả. Thu hút nguồn lực khoa học và công nghệ từ các chương trình quốc gia, tổ chức quốc tế. Khuyến khích hợp tác công tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tạo điều kiện thuận lợi hình thành và phát triển các loại hình quỹ đầu tư mạo hiểm, các quỹ đầu tư cộng đồng. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư lớn, có thương hiệu, thu hút FDI từ đối tác các nước phát triển cho các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường.

## ***2.3. Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo***

Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bảo đảm đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, phát triển và chuyển giao các công nghệ tiên tiến, chú trọng phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đô thị thông minh. Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả đơn vị sự nghiệp công lập khoa học và công nghệ cung cấp dịch vụ công thiết yếu về thông tin và thống kê

khoa học và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ. Củng cố, đầu tư phát triển tổ chức khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh; hướng tới thành lập Viện Nghiên cứu, phát triển kinh tế - xã hội tỉnh trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn; tiếp tục xây dựng công viên lưu giữ và bảo tồn nguồn gen tại Trạm nghiên cứu khoa học công nghệ cao Thái Hòa; thành lập Trạm nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ miền Tây thuộc Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ. Xây dựng và phát triển khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Bắc Trung Bộ tại tỉnh. Hình thành và phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại huyện Nghĩa Đàn. Phát triển Trường Đại học Vinh trở thành trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới, đại học đổi mới sáng tạo.

### **3. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo có trọng tâm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững**

#### ***3.1. Khoa học và công nghệ phục vụ nông nghiệp***

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái đa lợi ích, nông nghiệp tuần hoàn và nông nghiệp giảm phát thải. Phát triển mạnh mẽ sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP. Lưu giữ, khai thác và phát triển nguồn gen quý hiếm có giá trị cao.

Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học, công nghệ gen, công nghệ vi nhân giống, công nghệ sinh sản tạo các giống gia súc, gia cầm, thủy, hải sản có giá trị kinh tế cao phục vụ xuất khẩu. Ứng dụng kỹ thuật công nghệ sinh học hiện đại chẩn đoán dịch bệnh đối với các cây trồng, vật nuôi; công nghệ vi sinh, enzym và protein sản xuất các chế phẩm sinh học.

Đổi mới sáng tạo trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ bảo quản, chế biến. Hình thành hệ thống đổi mới sáng tạo gắn với các mô hình kinh tế nông nghiệp, chuỗi sản xuất, sản phẩm có giá trị kinh tế cao, gắn kết phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

#### ***3.2. Khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp***

Ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển công nghiệp chế biến gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu. Thu hút phát triển công nghiệp chế biến trong lĩnh vực dược phẩm, thực phẩm, chè, chế biến gỗ, lâm sản, sữa, nước trái cây, rau quả để hình thành chuỗi giá trị; hướng tới nền công nghiệp xanh,

bền vững, tuần hoàn. Ứng dụng, chuyển giao công nghệ sạch, tiên tiến, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường. Phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng sử dụng công nghệ mới, các loại vật liệu mới. Phát triển tiêu thụ công nghiệp, xây dựng làng nghề gắn với du lịch. Phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

Thu hút doanh nghiệp lớn đầu tư vào công nghệ chế biến, chế tạo thông minh, đổi mới mô hình quản lý, kinh doanh, sản phẩm. Thúc đẩy các hoạt động đổi mới dây chuyền, thiết bị, máy móc, công nghệ, các hoạt động năng lực quản trị, áp dụng mô hình kinh doanh mới đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Hình thành hệ thống đổi mới sáng tạo gắn với chuỗi giá trị toàn cầu.

### **3.3. Khoa học xã hội và nhân văn**

Tập trung nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, dự báo mô hình tăng trưởng và cơ cấu kinh tế của tỉnh. Nghiên cứu các loại hình tổ chức kinh tế; giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại kinh tế, văn hóa; mô hình, phương thức quản trị hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Nghiên cứu và phát triển mô hình kinh tế chia sẻ, kinh tế đêm, kinh tế xanh; phát triển du lịch bền vững. Nghiên cứu phát triển kinh tế biển theo hướng đa lợi ích, trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái và đa dạng sinh học biển. Nghiên cứu, đánh giá các giá trị di sản, nguồn lực nhân văn di sản văn hóa, tri thức bản địa, đặc thù văn hóa vùng miền gắn với tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; nghiên cứu văn hóa truyền thống, văn hóa tộc người trong bối cảnh đương đại; xây dựng văn hoá đổi mới sáng tạo, văn hoá số, phát triển công nghiệp văn hóa.

### **3.4. Khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số và đô thị thông minh**

Nghiên cứu phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số nâng cao hiệu quả quản lý của bộ máy chính quyền các cấp. Ứng dụng công nghệ số, số hóa dữ liệu, kết nối liên thông, tích hợp, khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung. Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp an toàn thông tin.

Chú trọng phát triển kinh tế số, công nghiệp công nghệ thông tin, đô thị thông minh, nông thôn thông minh phù hợp với định hướng đô thị hóa, gắn đặc thù từng địa phương. Chuyển đổi số trong các lĩnh vực quản lý hành chính, nông nghiệp, công nghiệp, văn hóa và du lịch, logistics và các lĩnh vực phục vụ cho truyền thông và quảng bá hình ảnh. Nghiên cứu, ứng dụng các mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng số, mô hình quản trị, chuỗi giá trị. Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI).

### **3.5. Khoa học và công nghệ phục vụ y dược**

Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ phát triển y tế chuyên sâu, phấn đấu đưa thành phố Vinh thành hạt nhân của trung tâm y

tế kỹ thuật chuyên sâu của khu vực Bắc Trung Bộ. Nghiên cứu và ứng dụng các quy trình kỹ thuật hiện đại về công nghệ sinh học, nâng cao chất lượng công tác y tế dự phòng, chẩn đoán, khám và điều trị bệnh. Ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, tiến tới y tế thông minh.

Thúc đẩy hình thành chuỗi sản phẩm dược tại các huyện miền Tây thông qua các nhiệm vụ bảo tồn và phát triển nguồn gen dược liệu, hình thành các vùng sản xuất các cây trồng dược liệu quý. Nghiên cứu, tiếp thu, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao trong sản xuất các loại dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng từ các loài cây thuốc có ở Nghệ An gắn với thu hút các cơ sở công nghiệp dược. Nghiên cứu, ứng dụng các bài thuốc cổ truyền phục vụ khám chữa bệnh trong nhân dân. Hình thành vườn bảo tồn cây dược liệu tại Vườn quốc gia Pù Mát.

### ***3.6. Khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu***

Ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến khai thác, sử dụng tiết kiệm hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Ứng dụng, chuyển giao các công nghệ trong dự báo, giám sát, cảnh báo các yếu tố môi trường tự nhiên, các hiện tượng khí tượng - thủy văn. Nghiên cứu các giải pháp chủ động thích ứng biến đổi khí hậu. Ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong xử lý ô nhiễm môi trường.

Nghiên cứu liên ngành về bảo tồn và phát huy giá trị thiên nhiên và đa dạng sinh học. Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học góp phần phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên. Ứng dụng chế phẩm sinh học trong xử lý môi trường, xử lý chất thải chăn nuôi, y tế, sinh hoạt và công nghiệp. Ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý chất thải từ nông nghiệp và sản xuất năng lượng tái tạo từ các nguồn phế thải, chất thải nông nghiệp, nông thôn.

### ***3.7. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ kết nối liên vùng, liên ngành và phát triển hành lang kinh tế***

Thành lập và vận hành Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Nghệ An quy mô khu vực Bắc Trung Bộ. Nghiên cứu cấu trúc, kiến trúc, bản sắc một số các đô thị trung tâm của tỉnh. Phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng miền Tây với lợi thế về lâm nghiệp, kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng, kinh tế cửa khẩu, du lịch sinh thái, mạo hiểm và du lịch cộng đồng mang đậm bản sắc dân tộc.

Nghiên cứu hình thành các cụm liên kết ngành, liên kết nội vùng, liên vùng theo chuỗi giá trị sản phẩm, tham gia các chuỗi cung ứng trên cơ sở phát huy lợi thế của các hành lang kinh tế. Nghiên cứu về chuỗi giá trị toàn

cầu, các phương thức quản trị, hợp tác, các mô hình liên kết. Mở rộng hợp tác theo chiều sâu, liên kết với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ.

#### **4. Phát triển thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tăng dần tỷ trọng nguồn cung công nghệ, thiết bị trong nước, nội tỉnh; đẩy mạnh các hoạt động trung gian của thị trường khoa học và công nghệ. Khuyến khích phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hình thành các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ.

Hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ và các hoạt động xúc tiến, tìm kiếm, môi giới, mua, bán công nghệ. Tổ chức các hoạt động điểm kết nối cung cầu, hội chợ công nghệ thiết bị giới thiệu các công nghệ thiết bị mới. Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở đối với các công nghệ, sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm chủ lực. Tăng cường đăng ký bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ tại.

Hình thành mạng lưới chuyên gia, cố vấn, huấn luyện viên khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Phát triển mạng lưới nghiên cứu liên kết, kết nối với các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong và ngoài nước. Bổ sung không gian khởi nghiệp và hoạt động khởi nghiệp trong các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh.

#### **5. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Tranh thủ sự hỗ trợ của các ban, bộ, ngành Trung ương, các tổ chức trong và ngoài nước để đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh liên kết hợp tác với các viện, trường Trung ương về khoa học và công nghệ. Tăng cường liên kết các ngành, địa phương trong nhân rộng và chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống. Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế thực hiện các hiệp định, thỏa thuận song phương, đa phương; tích cực giao lưu, trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm và thu hút nguồn lực quốc tế về nghiên cứu khoa học, mua bán, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ. Ưu tiên hợp tác quốc tế các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp năng lượng, chế biến sâu nông, lâm, thủy sản, công nghiệp xanh, công nghiệp môi trường.

### **IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt và tuyên truyền Nghị quyết; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết



quả thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (qua Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy).

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách có liên quan đến lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; thường xuyên giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; phân công rõ trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành, địa phương. Chỉ đạo bố trí ngân sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bảo đảm theo quy định. Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kết quả thực hiện.

4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tư vấn, phản biện thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

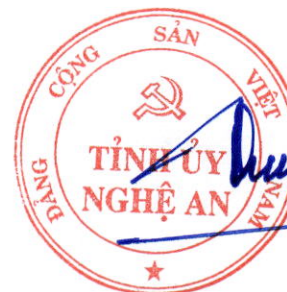
6. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Nghị quyết; định kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ đảng và trên phương tiện thông tin đại chúng.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để báo cáo),
- Ban cán sự đảng, đảng đoàn, sở, ban, ngành, MTTQ và các tổ chức CT-XH cấp tỉnh,
- Huyện, thành, thị ủy và đảng ủy trực thuộc,
- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy,
- Chuyên viên phòng Tổng hợp VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY**  
**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



**Hoàng Nghĩa Hiếu**